

# KĨ NĂNG THÍCH ỨNG XÃ HỘI CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC

TS. TẠ THỊ NGỌC THANH  
Trung tâm Nghiên cứu Tâm lí học và Giáo dục học

Mỗi người trong cuộc sống hàng ngày đều phải xử lý các mối quan hệ. Đó là mối quan hệ với chính mình (biết mình là ai, biết mình có điểm mạnh, điểm yếu gì...), mối quan hệ với thế giới tự nhiên (biết thiết lập các mối quan hệ hài hòa với thế giới tự nhiên, biết bảo vệ môi trường sống tự nhiên, hiểu biết các hiện tượng tự nhiên vận hành theo quy luật nào...), mối quan hệ với người khác/với xã hội (biết thiết lập các quan hệ bạn bè, hiểu những người lớn xung quanh mình nghĩ gì, mong muốn gì... sống hài hòa với cộng đồng). Con người cần rất nhiều các kiến thức và kĩ năng (KN) khác nhau. Nhiều chuyên gia cho rằng KN và kinh nghiệm chuyên môn chỉ chiếm tối đa 40% trong thành công của họ, còn chính KN xã hội như: KN giao tiếp, thuyết phục, làm việc cùng người khác... chiếm đến hơn 60% còn lại để thành công. Các KN này không phải có ngay một lúc mà được hình thành dần dần qua nhiều năm. Hiện nay, trên thế giới, rất nhiều nước tiên tiến đã triển khai chương trình giáo dục KN xã hội cho học sinh ngay từ tiểu học, và ở nước ta, một số nghiên cứu cũng đang được triển khai theo hướng này.

## 1. Khái niệm kĩ năng thích ứng xã hội

Những KN xã hội không chỉ giúp con người tồn tại mà còn giúp họ biết bảo vệ chính mình để có cuộc sống an toàn trong tương lai, định hướng một cách hợp lí cho hạnh phúc...Với trẻ ở lứa tuổi nhỏ (mầm non, tiểu học) thì nói tới KN xã hội của trẻ là nói tới những KN cần thiết để thích ứng với những quan hệ xã hội gần gũi mà trẻ tiếp cận trong cuộc sống.

Vậy KN thích ứng xã hội (KNTUXH) là gì? Theo Gresham và Elliot (1990), khái niệm KNTUXH (social skills) là những mẫu ứng xử tập thể hay học được, được chấp nhận về mặt xã hội, giúp một cá nhân có thể quyết định hành động và ứng xử một cách có hiệu quả với người khác, giúp người đó nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh, tránh được những hậu quả tiêu cực về mặt xã hội.

Những KNTUXH là phức tạp, đa dạng và có tính phát triển. Chẳng hạn, những KN xã hội cần thiết cho đứa trẻ 5 tuổi rõ ràng là không thích hợp với những thỏa thuận trong xã hội phức tạp hơn của đứa trẻ 12 tuổi.

KNTUXH không phải là những khả năng có tính bẩm sinh mà là những mẫu hành vi ứng xử do trải nghiệm, do tập nhiễm, do bắt chước, do quan sát

học được hoặc do rèn luyện mà có. Trẻ em càng sớm được hướng dẫn, được trải nghiệm để phát triển các KNTUXH... càng tốt. Các KNTUXH có thể được hướng dẫn, trải nghiệm để phát triển ngay từ lứa tuổi mẫu giáo.

## 2. Các KNTUXH của học sinh tiểu học

Lứa tuổi học sinh tiểu học là sự phát triển kế tiếp tuồi mẫu giáo và có sự chuyển đổi từ hoạt động chơi là chủ đạo sang hoạt động học tập là chủ đạo. Tuy nhiên khi vào học ở tiểu học, theo các nhà nghiên cứu, việc học tập của các em chuyển sang một giai đoạn khác biệt về chất với rất nhiều những yêu cầu, nhiệm vụ phức hợp, khó hơn đặt ra từ mỗi bài học.

Các nhà nghiên cứu tâm lí trẻ em đã liệt kê ra các nhóm KN xã hội đặc biệt cần thiết cho quá trình thích ứng đem lại những thành công học đường ở lứa tuổi học sinh tiểu học (Gresham, 1989; Achenbach, 1983; Conner, 1990, 2000):

- 1- KN hợp tác kết bạn
- 2- KN đồng cảm và chia sẻ
- 3- KN tự kiềm chế, kiểm soát
- 4- KN quyết đoán, tự khẳng định
- 5- KN giải quyết vấn đề
- 6- KN thích ứng hoà nhập môi trường học tập mới
- 7- KN thuyết phục

Những số liệu nghiên cứu cho thấy không phải mọi trẻ em lớn lên đều phát triển đầy đủ các KNTUXH... và nhiều trẻ em do thiếu hụt những KNTUXH này đã dẫn đến những khó khăn hoặc thất bại học đường. Vì vậy phát hiện sớm những thiếu hụt KNTUXH bằng những thang đo (trắc nghiệm), đáng tin cậy, tìm cách huấn luyện, phát triển những KN này là rất quan trọng ở trẻ em, đặc biệt là lứa tuổi học sinh tiểu học, đó còn là một nhân tố thúc đẩy quá trình xã hội hóa, phát triển "cái tôi - xã hội" ở các em học sinh.

## 3. Thủ nghiệm trắc nghiệm đánh giá KNTUXH ở Tiểu học

Trên nền tảng Bộ trắc nghiệm đánh giá kĩ năng thích ứng xã hội của hai tác giả Mỹ: Gresham & Elliott (Social skills Rating System - SSRS, Gresham & Elliott, 1990) được thiết kế cho đối tượng trẻ em Mỹ ở lứa tuổi học sinh tiểu học, các thang đánh giá hành vi kém thích nghi của Conner và bảng kiểm đánh giá hành vi kém thích nghi của Achenbach,... cùng các mẫu hành vi ứng xử/

tương tác thường ngày điển hình thường thấy ở học sinh tiểu học Việt Nam PGS.TS. Nguyễn Công Khanh đã khái quát để thiết kế ra bộ công cụ đo các kỹ năng thích ứng xã hội trên học sinh tiểu học Việt Nam. Bộ trắc nghiệm đánh giá các KNTUXH này nhằm mục đích đánh giá năng lực thích ứng xã hội trên cơ sở đo lường 7 KN xã hội cơ bản đã nêu ở trên. Đó là những năng lực xã hội được học sinh tiểu học thể hiện khi đối mặt với những khó khăn trong xử lý các mối quan hệ với các bạn ở lớp, ở trường, với thầy cô giáo, với cha mẹ, với người thân trong gia đình và những người khác.

Bộ trắc nghiệm này sử dụng cách tiếp cận tự đánh giá, có 7 tiểu thang đo với 63 câu (9 câu cho mỗi tiểu thang đo). Mỗi câu hỏi có 3 mức độ để lựa chọn, ví dụ: "câu 5 - Em động viên, an ủi khi người thân gặp chuyện buồn"; Học sinh có 1 trong 3 lựa chọn là: Không đúng hoặc chưa bao giờ; Đôi khi đúng hoặc thi thoảng đúng; Thường xuyên đúng.

#### \* Kết quả thử nghiệm trắc nghiệm KNTUXH

Bộ trắc nghiệm tự đánh giá về KNTUXH được thử nghiệm trên 158 học sinh ở 5 lớp của trường Tiểu học Trần Nhật Duật (Hà Nội). Số liệu sau khi thu thập được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS. Trắc nghiệm tự đánh giá về Kĩ năng thích ứng xã hội gồm 7 tiểu thang đo với 63 câu (mỗi tiểu thang đo gồm 9 câu) được đưa vào khảo sát. Phương pháp phân tích độ tin cậy (Reliability Analysis) được sử dụng để loại bỏ những câu không đạt yêu cầu (3 câu có hệ số tương quan câu - tổng thang đo nhỏ nhất trong 9 câu của 1 tiểu thang đo và những câu đó nếu được loại bỏ sẽ làm tăng cao nhất giá trị Cronbach Alpha của tiểu thang đo đó).

Như vậy sau khi lựa chọn, mỗi tiểu thang đo còn giữ lại 6 câu và toàn bộ thang đo KNTUXH của học sinh tiểu học gồm 42 câu với thời gian làm trắc nghiệm thích hợp cho học sinh tiểu học (khoảng 40 - 45 phút).

Với cách lựa chọn như trên, các giá trị thống kê của trắc nghiệm tự đánh giá về KNTUXH đều tăng lên sau khi giảm đi 21 câu ít phù hợp nhất với học sinh tiểu học. Bảng 1 và bảng 2 trình bày các kết quả trắc nghiệm KNTUXH đầu tiên và sau khi đã lựa chọn lại 42 câu thích hợp nhất.

Bảng 1: Các giá trị thống kê của Trắc nghiệm KNTUXH đầu tiên

Số câu	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Hệ số Alpha	Hệ số F	Mức ý nghĩa
63	80.70	14.00	0.84	21.73	0.000

Bảng 2: Các giá trị thống kê của Trắc nghiệm KNTUXH được lựa chọn sau khi thử nghiệm

Số câu	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Hệ số Alpha	Hệ số F	Mức ý nghĩa
42	54.30	12.08	0.87	23.35	0.000

Qua bảng 1 và bảng 2, có thể thấy:

- Số câu của trắc nghiệm KNTUXH giảm từ 63 câu lúc đầu xuống còn 42 câu;

- Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của trắc nghiệm sau lựa chọn đều giảm so với trắc nghiệm ban đầu;

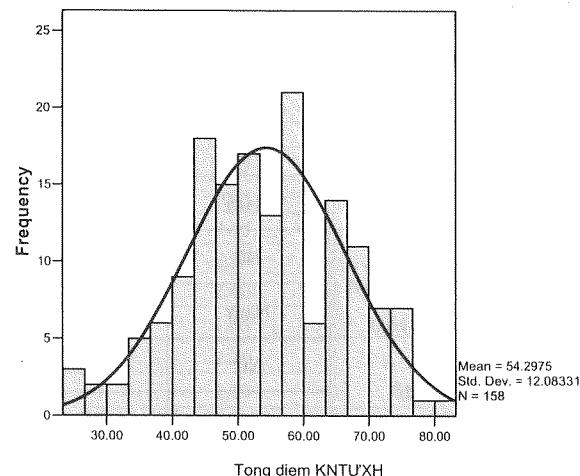
- Hệ số Alpha đo độ tin cậy của trắc nghiệm tăng từ 0.84 lúc ban đầu lên 0.87 sau khi lựa chọn;

- Hệ số F cho biết mối tương quan giữa các câu trong trắc nghiệm tăng từ 21.73 lúc ban đầu lên 23.35 sau khi lựa chọn;

- Mức ý nghĩa của cả 2 trắc nghiệm trước và sau lựa chọn đều rất tốt (dưới 5 phần vạn).

Tất cả những nhận xét trên chứng tỏ rằng việc lựa chọn các câu trong trắc nghiệm là phù hợp và trắc nghiệm KNTUXH được lựa chọn có các giá trị thống kê tốt.

Điểm của học sinh tiểu học đo bằng trắc nghiệm KNTUXH sau khi lựa chọn với 42 câu có dạng phân bố tương đối chuẩn như sau:



Hình 1: Điểm KNTUXH của học sinh tiểu học

Biểu đồ biểu thị phân bố điểm KNTUXH của học sinh tiểu học thử nghiệm có dạng hình chuông, tương đối cân xứng so với đường cong lì tưởng của phân bố chuẩn. Phân bố điểm này chứng tỏ trắc nghiệm KNTUXH được lựa chọn là tốt và cho phép áp dụng các phép toán thống kê để kiểm định sự khác biệt

giữa các nhóm mẫu như giữa học sinh nam - nữ, giữa các khối lớp v.v..

#### 4. Một số nhận xét về KNTUXH của học sinh tiểu học

Phần tiếp theo trình bày một số nhận xét về kết quả của trắc nghiệm KNTUXH được lựa chọn gồm 42 câu trên học sinh tiểu học thử nghiệm.

Bảng 3: KNTUXH của học sinh Tiểu học theo các nhóm kỹ năng

Tiểu thang đo/Thang đo	Mẫu	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
KN hợp tác	158	9.84	2.13	4	13
KN quyết đoán tự khẳng định	158	7.80	2.54	1	12
KN đồng cảm	158	8.35	2.56	0	12

Kỹ năng tự kiểm chế, kiểm soát	158	6.67	2.35	1	12
Kỹ năng giải quyết vấn đề	158	6.61	2.68	0	12

Bảng 3 cho thấy:

- KNTUXH chung của học sinh tiểu học đạt ở mức trung bình khá (điểm trung bình của học sinh là 54.3, nghĩa là bằng 64.64% so với điểm tối đa của trắc nghiệm);

- Các nhóm KN học sinh tiểu học đạt điểm cao nhất là: nhóm KN hợp tác (9.84 điểm), nhóm KN đồng cảm (8.35 điểm) và nhóm KN thích ứng hòa nhập môi trường mới (8.29 điểm);

- Các nhóm KN học sinh tiểu học đạt điểm thấp nhất là: nhóm KN giải quyết vấn đề (6.61 điểm), nhóm KN tự kiểm chế, kiểm soát (6.67 điểm) và nhóm KN thuyết phục (6.73 điểm);

Bảng dưới đây trình bày sự khác nhau về KNTUXH giữa học sinh nam và nữ:

Bảng 4: KNTUXH của học sinh tiểu học nam và nữ

Tiểu thang đo/Thang đo	Giới	Mẫu	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Hệ số F	Mức ý nghĩa
KN hợp tác	Nữ	82	10.29	1.97	7.971	0.005
	Nam	76	9.36	2.20		
KN quyết đoán tự khẳng định	Nữ	82	8.13	2.48	2.919	0.090
	Nam	76	7.45	2.57		
KN đồng cảm	Nữ	82	8.79	2.56	5.142	0.025
	Nam	76	7.88	2.48		
KN tự kiểm chế, kiểm soát	Nữ	82	6.87	2.29	1.178	0.280
	Nam	76	6.46	2.41		
KN giải quyết vấn đề	Nữ	82	7.00	2.47	3.718	0.056
	Nam	76	6.18	2.84		
KN thích ứng hòa nhập MT mới	Nữ	82	8.59	2.18	2.653	0.105
	Nam	76	7.97	2.53		
KN thuyết phục	Nữ	82	7.02	3.09	1.807	0.181
	Nam	76	6.41	2.63		
KNTUXH chung	Nữ	82	56.70	12.02	6.967	0.009
	Nam	76	51.71	11.68		

**Bảng 4** cho thấy:

- Điểm trung bình của KNTUXH chung cũng như điểm trung bình của tất cả các nhóm KN ở học sinh nữ đều cao hơn học sinh nam, trong khi độ lệch chuẩn của các nhóm KN này ở học sinh nữ lại thấp hơn học sinh nam.

- Các nhóm KN mà học sinh nữ đạt điểm trung bình cao hơn học sinh nam một cách có ý nghĩa ( $p < 0.05$ ) là nhóm KN hợp tác ( $p = 0.005$ ) và nhóm kĩ năng

đồng cảm ( $p = 0.025$ );

- Điểm trung bình KNTUXH chung của học sinh nữ (56.7) cao hơn học sinh nam (51.71) và sự khác biệt này là có ý nghĩa ở mức dưới 1%. Điều này chứng tỏ *học sinh nữ có KNTUXH chung tốt hơn học sinh nam*.

Bảng dưới đây trình bày sự khác nhau về KNTUXH giữa học sinh các khối lớp:

**Bảng 5: KNTUXH của học sinh tiểu học theo khối lớp**

Tiêu thang đo/Thang đo	Lớp	Mẫu	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Hệ số F	Mức ý nghĩa
KN hợp tác	1	36	9.67	2.39	3.234	0.014
	2	31	8.84	2.05		
	3	25	10.68	1.38		
	4	35	10.64	1.82		
	5	31	10.26	1.98		
KN quyết đoán tự khẳng định	1	36	8.53	2.98	1.196	0.315
	2	31	7.29	2.27		
	3	25	7.48	2.42		
	4	35	7.66	2.71		
	5	31	7.90	2.06		
KN đồng cảm	1	36	7.81	3.28	1.548	0.191
	2	31	7.81	2.46		
	3	25	9.08	2.12		
	4	35	8.77	2.47		
	5	31	8.48	1.93		
KN tự kiểm chế, kiểm soát	1	36	6.28	2.26	0.673	0.611
	2	31	6.58	2.35		
	3	25	7.24	2.18		
	4	35	6.60	2.70		
	5	31	6.84	2.18		
KN giải quyết vấn đề	1	36	5.89	2.52	2.774	0.029
	2	31	5.26	2.70		
	3	25	6.64	2.43		
	4	35	7.26	2.58		
	5	31	6.87	2.45		
KN thích ứng hoà nhập môi trường mới	1	36	7.75	2.70	0.844	0.499
	2	31	8.58	2.60		
	3	25	8.76	1.64		
	4	35	8.20	2.29		
	5	31	8.35	2.33		
KN thuyết phục	1	36	6.69	3.50	0.706	0.589
	2	31	6.03	2.93		
	3	25	6.80	2.77		
	4	35	6.89	2.75		
	5	31	7.23	2.31		
KN thích ứng xã hội chung	1	36	53.61	13.23	1.298	0.273
	2	31	50.39	11.89		
	3	25	56.68	9.86		
	4	35	55.31	13.25		
	5	31	55.94	10.79		



Bảng 5 cho thấy:

- Điểm trung bình và độ lệch chuẩn của KNTUXH chung cũng như của tất cả các nhóm KN ở các khối lớp học sinh nói chung có khác nhau nhưng sự khác biệt này không lớn lắm.

- Điểm trung bình của các nhóm KN mà học sinh các khối lớp có sự khác biệt một cách có ý nghĩa ( $p < 0.05$ ) là: nhóm KN hợp tác ( $p = 0.014$ ) và nhóm KN giải quyết vấn đề ( $p = 0.029$ ). Với 2 nhóm KN này, các học sinh lớn (lớp 3, lớp 4, lớp 5) có điểm trung bình cao hơn các học sinh nhỏ (lớp 1 và lớp 2);

- Điểm trung bình KNTUXH chung của học sinh các khối lớp không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Tất cả những nhận xét qua bảng 5 trên chứng tỏ *giữa học sinh các khối lớp tiểu học được điều tra không có sự khác biệt nhiều về sự phát triển các KNTUXH*. Tuy nhiên, đây chỉ là nhận xét được rút ra từ một thử nghiệm trên số lượng nhỏ nên cần tiến hành khảo nghiệm trên một mẫu đại diện lớn để có kết luận chính xác hơn về vấn đề này.

**Như vậy**, việc sơ bộ đánh giá về KNTUXH của học sinh tiểu học cho thấy: KNTUXH chung của học sinh tiểu học chỉ đạt ở mức trung bình khá. Học sinh tiểu học nữ thường có KNTUXH tốt hơn học sinh nam. Nhiều nhóm KN xã hội học sinh tiểu học đạt mức thấp như: nhóm KN giải quyết vấn đề, nhóm KN tự kiểm chế, kiểm soát và nhóm KN thuyết phục.

Điều đó cho thấy, chúng ta nên học tập nhiều nước tiên tiến trên thế giới, triển khai chương trình giáo dục KN cho học sinh ngay từ lứa tuổi tiểu học./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Laura Candler, Teaching Social Skills, <http://www.lauracandler.com/centers.htm>
- 2) Gresham F. M., & Elliott, S. N. (1990). *Manual for the Social Skills Rating System*. Circle. Pine MN: American Guidance Service, Inc.
- 3) Social Skills, <http://www.embracethefuture.org.au/resiliency/index.htm>
- 4) Nguyễn Công Khanh (2004), *Nghiên cứu kĩ năng xã hội ở lứa tuổi học sinh THCS*, Tạp chí Thông tin KHGD số 108 tháng 7/2004.
- 5) Tạ Thị Ngọc Thanh (2010), *Bàn về việc dạy kĩ năng xã hội cho học sinh tiểu học*, Tạp chí giáo dục, Số 238, Kì 2.

#### SUMMARY

*From social adaptability skills to social adaptability skills by primary school pupils through valuation tests, the author concludes on social adaptability skills by primary school pupils and proposes social adaptability teaching for primary school.*

## TRÍ TUỆ XÃ HỘI VÀ CÁC MÔ HÌNH CẤU TRÚC TRÍ TUỆ XÃ HỘI (Xem tiếp trang 17)

tuệ khác đều cao, cá nhân đó được dự đoán sẽ là một người không chỉ thành đạt trong xã hội mà còn là người hạnh phúc, mẫu người sống để thành công mà lâu nay chúng ta đang tìm kiếm.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Albrecht, K. (2005). *Social Intelligence: the New Science of Success*, Wiley.
1. Bar-On. R & Parker.J.D.A (2000). *The Handbook of Emotional Intelligence*. JOSSEY-BASS.
2. Gardner, H. (1993). *Multiple intelligences: The theory in practice*. New York: Basic Books.
3. Goleman, D. (1998). *Working With Emotional Intelligence*. BANTAM BOOKS.
4. Goleman, D (2006). *Social Intelligence: The New Science of Human Relationships*,
5. Mayer, J.D, Salovey, S & Caruso.D. (2000). In

R. J. Sternberg (Ed). (2000). *Handbooks of Intelligence*. Cambridge University Press.

6. Moss, F.A., & Hunt, T. (1927). *Are you socially intelligent?* Scientific American, 137, 108-110.
7. Sternberg, R.J.(1997). *Successful intelligence*. New York: Plum.
8. Thorndike, E.L. (1920). *Intelligence and its use*. Harper's Magazine, 140, 227-235.
9. Vernon, P.E. (1933). *Some characteristics of the good judge of personality*, Journal of Social Psychology, 4, 42-57

#### SUMMARY

*The article discusses the concept of social intelligence; models of social intelligence, relationship between social intelligence quotient and emotional intelligence, intelligence and their roles in personnel success.*